TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/LĐ-ST
Ngày 18 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Ông Hoàng Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-LĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; CCCD: 038183023169; địa chỉ thường trú: Số F đường P, Tổ H, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH F; địa chỉ trụ sở: Số G N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thu H; CCCD: 074182002507; địa chỉ liên hệ: Số G N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 06/5/2025). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội khu vực IV (Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên); địa chỉ trụ sở: Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 9/2012 đến nay, trong khoảng thời gian này bà L cũng có những khoảng thời gian ngừng tham gia bảo hiểm xã hội. Tháng 9/2012 đến tháng 04/2013 và từ tháng 7/2014 đến tháng 01/2016 bà L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại DNTN Mầm non Bé Yêu. Đối với khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội này bà L đã được hưởng chế độ BHXH một lần nhưng chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp. Từ tháng 7/2019 đến tháng 01/2022 bà L tiếp tục tham gia bảo hiểm. Sau đó bà Lam làm thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cơ quan bảo hiểm thông báo bà L có khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trùng tại Công ty TNHH F và tại DNTN Mầm non Bé Y (trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2012 đến tháng 4/2013). Tuy nhiên, từ trước đến nay bà L chưa bao giờ ký hợp đồng lao động, chưa bao giờ làm việc tại Công ty TNHH F và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F. Bà L cũng không biết ai đã lấy thông tin của bà L để ký hợp đồng lao động, làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F. Theo cơ quan bảo hiểm xã hội cho biết thì thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F đã được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội 01 lần và trợ cấp thất nghiệp. Vì có khoảng thời gian bị trùng tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2012 đến tháng 04/2013 nên bà L không thực hiện được thủ tục để các chế độ về bảo hiểm xã hội theo quy định. Vì vậy, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L. Bà L khẳng định bà L chưa bao giờ ký hợp đồng lao động, làm việc và cũng không tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F và cũng không hưởng bất cứ chế độ bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F. Qua tìm hiểu thì bà L biết có người đã dùng thông tin cá nhân của bà L để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và tham gia bảo hiểm tại công ty này. Tuy nhiên, bà L cũng không xác định được ai là người lấy thông tin của bà L để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F và đã hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F nên bà L không thể cung cấp thông tin cho Toà án được.

Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH F và bà Nguyễn Thị L là vô hiệu do không đúng chủ thể giao kết hợp đồng.

- Huỷ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của bà Nguyễn Thị L trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH F;

- Điều chỉnh lại sổ bảo hiểm, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà L đúng thực tế bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Đối với các chế độ bảo hiểm xã hội mà người đã lấy thông tin của bà L để ký hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm và đã được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp tại Công ty TNHH F thì bà L không yêu cầu Toà án giải quyết vì bà L không phải là người được hưởng chế độ bảo hiểm trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Danh sách cá nhân hưởng một lần, Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội, Sổ bảo hiểm xã hội.

2. Bị đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 26/12/1983 số CMND 172419868 có làm việc tại khoa may, mã số bộ phận là 056-406. Được ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 07 năm 2008 đến tháng 06 năm 2013 thì nghỉ việc. Công ty đã chốt sổ bảo lưu quá trình và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội khu vực IV (Bảo hiểm xã hội Thành phố T) trình bày: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; CMND: 172419868; CCCD: 038183023169 được Công ty TNHH F tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ- BNN) với mã số BHXH 7408184725 từ tháng 07/2008 đến tháng 6/2013, đã hưởng chế độ BHXH 1 lần và trợ cấp thất nghiệp và được DNTN Mầm non Bé Yêu tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với mã số 7412022278 từ tháng 09/2012 đến 01/2016. Hai quá trình này trùng lặp thời gian tham gia từ tháng 9/2012 đến tháng 4/2013. Tại thời điểm tra cứu, BHXH còn ghi nhận bà Nguyễn Thị L còn có quá trình tham gia ở các mã số BHXH: 9107037363, 7413038274, 7424882494. Trong hợp Toà án tuyên bố hợp đồng vô hiệu đề nghị Toà án tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH, BHTN hoàn trả số tiền đã hưởng các chế độ BHXH, BHTN vào quỹ BHXH, BHTN và được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 27 tháng 03 năm 2025, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện Công ty TNHH F về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và huỷ bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (do hợp đồng lao động vô hiệu). Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo quy định tại Điều 13, 49 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH F, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty TNHH F có địa chỉ trụ sở tại số G N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Toà án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày bà L từ trước đến nay không làm việc tại Công ty TNHH F nên không thể có việc bà L ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH F. Việc bà L bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH F vô hiệu; yêu cầu huỷ thời gian giam gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của bà Nguyễn Thị L trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH F và điều

chỉnh lại sổ bảo hiểm, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà L đúng thực tế bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn Công ty TNHH F không cung cấp được hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH F.

Xét thấy, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn về việc chưa từng làm việc tại Công ty TNHH F và văn bản trả lời của Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cở sở T) thể hiện: *"Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; CMND: 172419868; CCCD: 038183023169 được Công ty TNHH F tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ- BNN) với mã số BHXH 7408184725 từ tháng 07/2008 đến tháng 6/2013, đã hưởng chế độ BHXH 1 lần và trợ cấp thất nghiệp và được DNTN Mầm non Bé Yêu tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với mã số 7412022278 từ tháng 09/2012 đến 01/2016. Hai quá trình này trùng lặp thời gian tham gia từ tháng 9/2012 đến tháng 4/2013"*

Như vậy, việc người khác sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và đã tham gia bảo hiểm xã hội cho bà L từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2013 là không đúng chủ thể khi xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15, 16 Bộ luật Lao động năm 2019), Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015) nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động bà Nguyễn Thị L và người sử dụng lao động Công ty TNHH F là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

- Bảo hiểm xã hội thành phố T (Bảo hiểm xã hội cơ sở T) có ý kiến: "*Trong hợp Toà án tuyên bố hợp đồng vô hiệu đề nghị tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH, BHTN hoàn trả số tiền đã hưởng các chế độ BHXH, BHTN vào quỹ BHXH, BHTN và được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động*".

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án không xác định được chủ thể (người) đã sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và đã tham gia bảo hiểm xã hội cho bà L từ tháng 07/2008 đến tháng 6/2013. Vì vậy, không có thông tin để xác định và buộc người đã hưởng chế độ bảo hiểm hoàn trả số tiền đã hưởng các chế độ BHXH, BHTN vào quỹ BHXH, BHTN.

- Đối với yêu cầu huỷ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và điều chỉnh lại sổ bảo hiểm, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị L trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH F: Đối với yêu cầu này của bà L thì sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn Công ty TNHH F về việc tranh chấp hợp đồng lao động (tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu).

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015);

- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 199415, 16, 49, 50 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn Công ty TNHH F về việc tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)".

1.1 Tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH F vô hiệu.

1.2 Bảo hiểm xã hội khu vực IV (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở T) thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị L theo quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH F phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001659, ngày 04/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 15- TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh N